

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU
TƯ-BỘ TÀI CHÍNH
Số: 13/TTLB

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 8 tháng 10 năm 1997

THÔNG TƯ LIÊN BỘ

Hướng dẫn việc thuê tổ chức quản lý để quản lý kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài

Căn cứ Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 12 tháng 11 năm 1996;

Căn cứ Nghị định 12/CP ngày 18 tháng 2 năm 1997 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định 75/CP ngày 01 tháng 11 năm 1995 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Nghị định 178/CP ngày 28 tháng 10 năm 1994 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Tài chính,

Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính ban hành Thông tư này hướng dẫn việc thuê tổ chức quản lý để quản lý kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG:

1.1. Thông tư này quy định việc thuê tổ chức quản lý để quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài gồm doanh nghiệp liên doanh, doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp).

1.2. Việc thuê Tổ chức quản lý để quản lý hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp là thuê quản lý và khai thác công trình của doanh nghiệp trong quá trình kinh doanh.

1.3. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được thuê Tổ chức quản lý phải có các điều kiện sau đây:

Việc thuê Tổ chức quản lý phải căn cứ vào nhu cầu về quản lý kinh doanh của doanh nghiệp và khả năng mang lại hiệu quả kinh doanh của việc thuê quản lý.

Các doanh nghiệp được thuê Tổ chức quản lý chỉ áp dụng đối với lĩnh vực kinh doanh: khách sạn, văn phòng, căn hộ cho thuê, sân golf, câu lạc bộ thể thao, giải trí, bệnh viện, trường học và một số lĩnh vực kinh doanh khác cần có kỹ năng quản lý chuyên sâu mà doanh nghiệp yêu cầu thuê quản lý.

Việc thuê Tổ chức quản lý để quản lý kinh doanh không được làm thay đổi hoặc tác động tiêu cực đến mục tiêu hoạt động của dự án và lợi ích của Nhà nước Việt Nam đã được quy định trong Giấy phép đầu tư.

II. HỢP ĐỒNG QUẢN LÝ

2.1. Việc thuê Tổ chức quản lý để quản lý kinh doanh của Doanh nghiệp được thực hiện thông qua hợp đồng quản lý ký giữa doanh nghiệp với Tổ chức quản lý. Việc ký hợp đồng quản lý phải được Hội đồng quản trị Doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp liên doanh) hoặc chủ đầu tư (đối với doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài) quyết định.

2.2. Thời hạn của Hợp đồng quản lý do doanh nghiệp thỏa thuận với tổ chức quản lý và được quy định trong Hợp đồng quản lý, nhưng tối đa không quá 10 năm kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực. Trường hợp cần thiết, các Bên có thể làm đơn xin gia hạn và trình Cơ quan cấp giấy phép đầu tư xem xét, phê duyệt.

Hợp đồng quản lý chỉ có hiệu lực thi hành sau khi được cơ quan cấp giấy phép đầu tư chấp thuận.

2.3. Nội dung Hợp đồng quản lý do các Bên thỏa thuận, nhưng ít nhất phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

Tên, địa chỉ, mục tiêu và phạm vi kinh doanh của Doanh nghiệp;

Tên, địa chỉ, chứng chỉ hoạt động kinh doanh của Tổ chức quản lý;

Trách nhiệm của doanh nghiệp và Tổ chức quản lý;

Mối quan hệ giữa Tổng Giám đốc, Phó Giám đốc của doanh nghiệp với tổ chức quản lý và với Giám đốc điều hành hoặc Giám đốc các bộ phận do tổ chức quản lý cử để trực tiếp quản lý trong quá trình kinh doanh;

Các nguyên tắc về thu, chi tài chính và sử dụng tài khoản ngân hàng;

Việc tuyển và sử dụng lao động;

Số lao động là người nước ngoài do Tổ chức quản lý cử và các chi phí về lương, ăn ở, đi lại, nghỉ phép... của số lao động này. Kế hoạch huấn luyện, đào tạo lao động là người Việt Nam để thay thế;

Thời hạn có hiệu lực của Hợp đồng. Các trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn;

4.2. Tổ chức quản lý hoạt động dưới danh nghĩa, con dấu và tài khoản của doanh nghiệp. Tổ chức quản lý được giao những công việc và được nhận những khoản phí theo quy định tại Hợp đồng quản lý, đồng thời chịu trách nhiệm trước Doanh nghiệp và pháp luật Việt Nam về việc thực hiện những quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Hợp đồng quản lý.

4.3. Tổ chức quản lý phải thực hiện các nghĩa vụ tài chính của mình đối với Nhà nước Việt Nam theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam. Doanh nghiệp có trách nhiệm khấu trừ số thuế phải nộp của Tổ chức quản lý và thay mặt Tổ chức quản lý nộp các khoản thuế đó cho Nhà nước Việt Nam.

4.4. Hợp đồng quản lý phải được trình cơ quan cấp Giấy phép đầu tư xem xét, chấp thuận. Hồ sơ trình duyệt bao gồm:

Đơn xin chấp thuận Hợp đồng thuê quản lý.

01 bộ gốc Hợp đồng quản lý bằng tiếng Việt và một tiếng nước ngoài thông dụng và các hợp đồng tư vấn, dịch vụ, sử dụng biển hiệu hay tên gọi (nếu có).

Biên bản họp Hội đồng quản trị Doanh nghiệp phê duyệt Hợp đồng quản lý (đối với doanh nghiệp liên doanh) hoặc ý kiến của chủ đầu tư (đối với doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài).

Văn bản xác nhận về tư cách pháp lý, kinh nghiệm, uy tín và năng lực quản lý của Tổ chức quản lý.

4.5. Thời gian xem xét và chấp thuận Hợp đồng quản lý của Cơ quan cấp Giấy phép đầu tư tối đa là 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Quá thời hạn trên, nếu không chấp thuận, cơ quan cấp Giấy phép đầu tư sẽ thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp và tổ chức quản lý, đồng thời nêu lý do việc từ chối chấp thuận Hợp đồng quản lý.